

Bản án số: 155/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-4-2019  
V/v Ly hôn V – T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thế Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Sơn Hùng

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Công Ninh là Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Chị Tăng Thảo V, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Số 611, tổ 16, ấp MH, xã MP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**-Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Số 325, tổ 09, ấp MQ, xã MP, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

*Chị V có mặt, anh T vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2018 và lời khai nguyên đơn chị Tăng Thảo V trình bày:* Chị và anh T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ sau chị sinh con năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường hay uống rượu, không chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng hay cãi vã với nhau. Chị và anh T

ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, trong thời gian này anh T thường đến nhà quây phá gia đình chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Chị và anh T có một con chung Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 14/12/2017 chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nợ chung không có.

*Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký và bị đơn phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tăng Thảo được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Con chung Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh năm 2017 giao chị V được tiếp tục nuôi dưỡng; chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị V và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị V và anh T chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú nên làm phát sinh nghĩa vụ của vợ chồng. Chị V cho rằng sau khi chung sống vợ chồng đi làm công nhân, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi có con thì anh T không lo làm ăn, mà thường hay uống rượu, bỏ bê vợ con dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng. Chị và anh T ly thân khoảng hơn 6 tháng nay, trong thời gian này anh T còn đến nhà lúc nửa đêm đã uống rượu say, kiếm chuyện chửi mắng chị.

Anh T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị V nhưng anh không có ý kiến. Qua xác minh thì địa phương cho biết chị V và anh T thường xuyên cự cãi nhau nhưng không biết hai người có mâu thuẫn gì.

Anh T và chị V là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chồng là chăm lo cho gia đình, cùng chị V nuôi dạy con. Anh T và chị V ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay nhưng cả hai không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn anh T.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh T có con chung Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 14/12/2017 chị V đang nuôi dưỡng. Cháu T1 còn rất bé, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, do đó chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Chị V không yêu cầu nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tăng Thảo V.

Chị Tăng Thảo V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54 ngày 11/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Chị V và anh T có một con chung Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 14/12/2017 giao chị V được tiếp tục nuôi con chung. Chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị V và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện anh T thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị V và anh T không có tài sản chung, nợ chung.

Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010307 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thế Văn**